ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 829 /KH-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 về việc ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026-2030, số 4179/QĐ-BKHCN ngày 19/10/2026 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3364/TTr-SKHCN ngày 27/10/2026 (sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan); thực hiện Văn bản số 828/TB-UBND ngày 19/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông báo kết luận họp tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 18/11/2026; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Xác định rõ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030, phù hợp với chủ trương của Trung ương, của tỉnh và bám sát Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2030.

- Làm căn cứ để các sở, ban, ngành và địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, thực hiện kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 5 năm và hằng năm; đồng thời lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với định hướng của Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2030.

- Tạo cơ sở triển khai đồng bộ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực quản lý nhà nước và tiềm lực khoa học, công nghệ của tỉnh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (ngân sách, xã hội hóa, doanh nghiệp, viện - trường, quốc tế) nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu:

- Việc triển khai Kế hoạch phải đảm bảo phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, các chiến lược, chương trình, kế hoạch có liên quan của bộ, ngành Trung ương; đồng bộ, thống nhất với các chương trình hành động, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh[1]; đồng thời kế thừa, lồng ghép các nhiệm vụ có liên quan tại các chương trình, kế hoạch chuyên ngành đã được ban hành, bảo đảm không chồng chéo về nhiệm vụ, đối tượng, nguồn lực và cơ chế tổ chức thực hiện.

- Nội dung kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi, đo lường được, bám sát yêu cầu thực tiễn của tỉnh, phù hợp nguồn lực và điều kiện triển khai; có phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị.

- Phát huy vai trò chủ thể của doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia, nhà khoa học; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Bảo đảm công khai, minh bạch; gắn triển khai nhiệm vụ với theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả hằng năm theo đúng quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Cụ thể hóa và thực hiện kịp thời, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ; các Quyết định: số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026; số 4179/QĐ-BKHCN ngày 19/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; qua đó phát huy vai trò khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế "hai con số" trong giai đoạn 2026-2030 của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nhóm chỉ tiêu về khoa học và công nghệ

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đến năm 2030 trên 45%.

- Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm có ≥ 50.

- Đến năm 2030, có ≥ 40 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu mỗi năm ≥ 60%.

---

[1] Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 231/KH-UBND ngày 10/5/2025 được sửa đổi, bổ sung, cập nhật tại Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 02/3/2026; số 345/KH-UBND ngày 05/6/2026; số 481/KH-UBND ngày 14/7/2026 và các văn bản chỉ đạo có liên quan.

- Số doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng; áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa tăng 10% - 12% so với giai đoạn 2021 - 2025.

- Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về năng suất và chất lượng, các giải pháp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến và công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tăng từ 08% - 10% so với giai đoạn 2021 - 2025.

- Phát triển mạng lưới tổ chức dịch vụ (tư vấn, đánh giá sự phù hợp, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cung ứng giải pháp nâng cao năng suất); tăng cường kết nối cung - cầu về dịch vụ tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ các hoạt động quảng bá, hợp tác, kết nối cung - cầu dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Hằng năm, nâng cao năng lực cho các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm đáp ứng yêu cầu thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và chứng nhận theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đến năm 2030, các đơn vị đủ năng lực cung ứng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Nhóm chỉ tiêu về đổi mới sáng tạo

- Phấn đấu có tối thiểu 35 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo được hình thành hoặc phát triển ổn định trên địa bàn tỉnh.

- Phấn đấu mỗi năm có ít nhất 20 sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo được thương mại hóa; trong đó ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ: công nghệ số, nông nghiệp công nghệ cao, OCOP, du lịch cộng đồng, chuyển đổi số, thương mại điện tử, logistics, chế biến nông sản.

- Phấn đấu có ít nhất 250 đối tượng sở hữu công nghiệp (sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu) do tổ chức, cá nhân trong tỉnh đăng ký bảo hộ.

- Phấn đấu bình quân hằng năm có ít nhất 70 sáng kiến trong khu vực công được công nhận; đẩy mạnh hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong doanh nghiệp, hợp tác xã, cộng đồng dân cư.

- Hình thành mạng lưới chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh; kết nối với mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia và khu vực Bắc Trung Bộ. Hình thành tối thiểu 01 Trung tâm/Không gian đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; thí điểm hình thành 5 đến 10 không gian khởi nghiệp sáng tạo cộng đồng tại xã, phường.

- Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, khởi nghiệp sáng tạo, nghiên cứu khoa học, hình thành các câu lạc bộ, cuộc thi, ngày hội sáng tạo trong trường học.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Hà Tĩnh được cải thiện qua từng năm và phấn đấu nằm trong nhóm khá của cả nước vào năm 2030.

2.3. Nhóm chỉ tiêu về phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

- Phấn đấu tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ≥ 1,5%. Tăng tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt trên 60%.

- Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người/01 vạn dân vào năm 2030.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị sự nghiệp công lập, trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh theo tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép nội dung triển khai Kế hoạch này trong chương trình, đề án, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch công tác hằng năm phù hợp chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định.

- Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến tri thức, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tổ chức truyền thông thường xuyên, có trọng tâm về chủ trương, chính sách; lan tỏa thành tựu, mô hình hiệu quả và gắn với hướng dẫn triển khai, đưa kết quả vào thực tiễn.

- Đa dạng hóa nội dung, phương thức truyền thông trên nền tảng số và phương tiện đại chúng; tăng cường phổ biến kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ có giá trị ứng dụng. Đẩy mạnh phối hợp giữa cơ quan quản lý, báo chí, viện, trường, doanh nghiệp để lan tỏa tri thức, hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo và thúc đẩy ứng dụng vào thực tiễn. Tăng cường truyền thông về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; tôn vinh sáng kiến, phát triển không gian trải nghiệm, trưng bày phục vụ cộng đồng.

- Tổ chức các chuyên mục, chuyên trang, diễn đàn, tọa đàm, câu chuyện điển hình, phóng sự, chuyên đề về sáng kiến hay, mô hình tốt, cách làm hiệu quả về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, khen thưởng, tuyên truyền, giới thiệu, nhân rộng ý tưởng, sáng kiến, điển hình khởi nghiệp thành công, mô hình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có hiệu quả trong thanh niên, học sinh, sinh viên, phụ nữ, nông dân, công nhân, trí thức, doanh nhân và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc thị trường và yêu cầu phát triển của tỉnh; bảo đảm tính khả thi trong triển khai, hiệu quả được đo lường bằng kết quả cụ thể, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng, năng suất, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "hai con số". Kiện toàn, vận hành Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của

tỉnh; nghiên cứu hình thành Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh khi đáp ứng các điều kiện, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

- Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các cơ chế, chính sách mới của Trung ương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng lấy hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa, mức độ đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội làm tiêu chí đánh giá chủ yếu; ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và tác động lan tỏa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đề xuất, thực hiện, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Các chương trình đổi mới sáng tạo; các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sản phẩm rõ ràng, gắn với các sản phẩm chủ lực, lĩnh vực có tiềm năng của tỉnh; các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ quốc phòng, an ninh. Tiêu chí xác định chương trình, nhiệm vụ (Phụ lục I), các chỉ tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Phụ lục II) và danh mục các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục III) là căn cứ để bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước và định hướng đề xuất và tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi, thống kê, đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

- Bố trí tối thiểu 1,5% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển; ưu tiên đầu tư phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Tăng cường huy động nguồn ngân sách Trung ương thông qua các chương trình, đề án để phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương.

- Đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ theo hướng gắn với kết quả đầu ra, hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa và đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện hiệu quả mô hình "ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư"; tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, phát triển tài sản

trí tuệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập và trích lập Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh hợp tác công - tư; lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án, quỹ và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả đầu tư.

4. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

4.1. Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh theo mô hình liên kết "Nhà nước - Doanh nghiệp - Viện, Trường", trong đó doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm, là chủ thể chính của hoạt động đổi mới sáng tạo; nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường, cơ chế, chính sách; các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian và cộng đồng khởi nghiệp tham gia hỗ trợ, kết nối và lan tỏa.

- Khuyến khích hình thành không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục và doanh nghiệp; thúc đẩy liên kết vùng, chia sẻ hạ tầng, nhân lực khoa học và công nghệ, tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh gắn kết với định hướng phát triển của tỉnh, kết hợp với sự phát triển của vùng và trong cả nước. Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị, các cụm liên kết ngành.

- Hình thành Không gian đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh và trở thành hạ tầng hỗ trợ trọng điểm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; là nơi kết nối nguồn lực, hỗ trợ nghiên cứu, thử nghiệm, ươm tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện của tỉnh. Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo để đáp ứng yêu cầu triển khai các dịch vụ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và đầu tư nhằm thúc đẩy việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài tỉnh. Hợp tác với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) để thúc đẩy phát triển không gian đổi mới sáng tạo tại Hà Tĩnh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xây dựng, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, chuyên gia, kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ, phục vụ công tác quản lý, điều hành và nhu cầu tra cứu, khai thác của tổ chức, cá nhân.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng các phong trào, hội thi, giải thưởng sáng tạo; kịp thời tôn vinh, nhân rộng các sáng kiến, giải pháp có giá trị thực tiễn, tạo động lực lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội.

4.2. Tăng cường thương mại hóa và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu; hỗ trợ đánh giá, định giá, hoàn thiện công nghệ và mô hình kinh doanh để nhân rộng các sản phẩm, quy trình, giải pháp có hiệu quả.

- Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng, du lịch và dịch vụ logistics. Hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá trình độ công nghệ, lựa chọn, đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ, từng bước làm chủ và phát triển công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ; tổ chức các hoạt động trình diễn, giới thiệu công nghệ, môi giới và xúc tiến chuyển giao; hỗ trợ đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ và cải tiến công nghệ tiên tiến; khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế đặt hàng, gắn với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và thị trường.

- Hằng năm, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ định hướng chiến lược phát triển của tỉnh, ngành, lĩnh vực và địa phương chủ động đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng khoa học, công nghệ vào thực tiễn giải quyết các vấn đề khó khăn, bài toán của ngành, lĩnh vực cũng như tạo ra mô hình phát triển kinh tế mới tại các xã, phường; tăng cường hoạt động của các hiệp hội, hội doanh nghiệp nhằm thúc đẩy liên kết các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các doanh nghiệp. Xây dựng mạng lưới tư vấn viên, tư vấn trực tiếp cho các doanh nghiệp về quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp thông qua các Hội, Liên hiệp Hội.

4.3. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, lựa chọn, chuyển giao và từng bước làm chủ công nghệ thông qua hoạt động tư vấn, kết nối, cung cấp thông tin và hướng dẫn khai thác tài sản trí tuệ. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, cải tiến, tối ưu hóa dây chuyền sản xuất, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo hướng tiên tiến, thân thiện môi trường; đẩy mạnh tự động hóa, số hóa và ứng dụng các công nghệ mới; đồng thời chuẩn hóa quy trình vận hành, bảo đảm an toàn và hiệu quả sản xuất.

- Triển khai các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công nghệ; hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và các mô hình sản xuất thông minh dựa trên dữ liệu số.

- Đẩy mạnh phát triển và thương mại hóa tài sản trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký bảo hộ, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, đa dạng hóa kênh phân phối, qua đó đưa sản phẩm đổi mới sáng tạo vào thực tiễn, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

5. Xây dựng và phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Rà soát, hoàn thiện và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo môi trường thuận lợi để đội ngũ trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và nhân lực chất lượng cao tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, tư vấn, phản biện và giải quyết các vấn đề thực tiễn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ về nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước nhằm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

- Khuyến khích hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh; hỗ trợ đội ngũ khoa học và công nghệ tham gia nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; thúc đẩy liên kết giữa cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.

- Nâng cao năng lực quản trị công nghệ, quản trị tài sản trí tuệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và khai thác tài sản trí tuệ cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ; từng bước nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và phát triển công nghệ của địa phương.

- Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường; tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực; xây dựng và triển khai chương trình đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng về cải tiến năng suất, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho người lao động của doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

6. Đẩy mạnh hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu ở trong và ngoài tỉnh. Ưu tiên triển khai các dự án, chương trình áp dụng mô hình hợp tác "ba nhà", huy động các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành tham gia trong quá trình nghiên cứu, phát triển.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo với các địa phương, tổ chức và đối tác trong nước, quốc tế; ưu tiên các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, lợi thế như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng, kinh tế biển, dược liệu, logistics và du lịch.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế; tiếp cận nguồn tri thức, công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn quốc tế và các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong khu vực và trên thế giới.

- Thu hút chuyên gia, nhà khoa học, trí thức, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia tư vấn, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Tăng cường xúc tiến, quảng bá các sản phẩm, công nghệ, tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu khoa học của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp chủ động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường cho các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế, nhất là với các đối tác chiến lược và tận dụng cơ hội từ việc tham gia các hiệp định thương mại đa phương, song phương, các hoạt động hợp tác nghiên cứu, đào tạo, tư vấn với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, các chuẩn mực quốc tế. Tạo điều kiện thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài; tổ chức các hoạt động triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch, chợ công nghệ để giới thiệu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, công nghệ.

(Có các Phụ lục chi tiết ban hành kèm theo Kế hoạch này).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp, vốn đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước, việc lập dự toán ngân sách hằng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và được bố trí vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan được giao chủ trì nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Thực hiện nhiệm vụ là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, thiết thực, đồng bộ với các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; chủ động tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra; là đầu mối tổng hợp giải quyết hoặc tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch. Định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh theo quy định, đảm bảo đáp ứng đúng yêu cầu về tiến độ.

- Căn cứ các quy định hiện hành, đề xuất cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước dành cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để làm căn cứ xây dựng kế hoạch ngân sách hằng năm.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan, Sở Tài chính tham mưu phương án kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm trong đó ưu tiên thu hút các dự án liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo đúng mục tiêu, định hướng thu hút đầu tư và phát huy thế mạnh của địa phương.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, công nghệ sinh học, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản và quản lý nông nghiệp; hoàn thiện mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp và môi trường; hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, thương hiệu nông sản chủ lực gắn với truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số.

- Hướng dẫn, hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng và phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững, gắn với liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, dạy và học; phát triển giáo dục STEM/STEAM, hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật và năng lực số cho học sinh; triển khai các nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; góp phần phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng lực, sở trường về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Sở Nội vụ: phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai các chính sách thu hút, tuyển dụng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền ban hành[2]; hướng dẫn các nội dung về quản lý, sử dụng công chức, viên chức; tổng hợp, tham

[2] Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 23/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030.

mưu lồng ghép nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa dữ liệu du lịch, phát triển du lịch thông minh; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển sản phẩm, xúc tiến, quảng bá du lịch trên nền tảng số; tăng cường liên kết vùng, thúc đẩy phát triển du lịch xanh, bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả đóng góp của ngành du lịch vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Sở Công Thương

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, quản trị và chuỗi cung ứng; thu hút đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ.

- Phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tiêu chuẩn xuất khẩu, xúc tiến thương mại và thương mại điện tử.

- Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, ứng dụng năng lượng tái tạo.

8. Sở Y tế: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực y tế; phát triển hệ thống y tế thông minh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, quản lý dược và dược liệu; thúc đẩy y tế xanh, đồng thời tăng cường hợp tác, chuyển giao kỹ thuật nâng cao năng lực chuyên môn.

9. Trường Đại học Hà Tĩnh: chủ động triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong giảng viên, sinh viên; tăng cường liên kết với các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục trong nghiên cứu, chuyển giao, thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất đặt hàng, tham gia triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh phù hợp với chức năng, năng lực của Nhà trường.

10. Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh: chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai các hoạt động truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (thông tin, tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện Kế hoạch) đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tham gia xây dựng, giám sát và phản biện xã hội việc thực hiện chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

12. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng hoặc lồng ghép nội dung triển khai thực hiện Kế hoạch này trong kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch công tác hằng năm; bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc đề xuất kinh phí gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tham mưu triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy trình, quy định.

- Đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở cơ sở; quan tâm bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý; định kỳ (trước 30/11 hằng năm) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp có thẩm quyền theo quy định; tổ chức đánh giá giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết vào năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện nghiêm các nội dung được giao tại Kế hoạch, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định (Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 482/KH-UBND ngày 03/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030)./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, PCVP phụ trách lĩnh vực;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Trần Báu Hà

Phụ lục I

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí/Nhóm tiêu chí
1	Giải quyết bài toán lớn của địa phương hoặc doanh nghiệp; phù hợp mục tiêu tăng trưởng, năng suất, tự chủ và an ninh quốc phòng; phù hợp Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và các chiến lược ngành, lĩnh vực liên quan.
2	Có tác động lan tỏa mạnh đến tăng trưởng, năng suất, năng lực cạnh tranh, quản trị, phát triển bền vững, khả năng chống chịu của nền kinh tế.
3	Có sản phẩm đầu ra rõ ràng, đo lường được, có địa chỉ ứng dụng, cơ quan tiếp nhận, lộ trình triển khai đến 2028 và 2030.
4	Có doanh nghiệp tham gia, cùng chủ trì, cùng tài trợ hoặc đối ứng; có cơ chế gắn kết giữa nghiên cứu, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa và thị trường (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
5	Có khả năng tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ chiến lược; có đóng góp cho nội địa hóa, thay thế nhập khẩu hoặc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
6	Có khả năng ứng dụng, thương mại hóa, mở rộng quy mô, tạo ngành, tạo thị trường hoặc nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
7	Có tính liên ngành, liên vùng; có thể sử dụng chung hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, phòng thí nghiệm hoặc hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
8	Có tính khả thi cao về nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện và quản trị rủi ro; có mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đánh giá gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, bảo đảm đánh giá được kết quả, hiệu quả, tác động.
9	Không trùng lặp với chương trình, nhiệm vụ, dự án đã có; không vượt quá phạm vi, thẩm quyền hoặc giai đoạn 2026 - 2030 nếu chưa được phân kỳ rõ ràng.
10	Ưu tiên đối với chương trình, nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến TFP, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, năng suất doanh nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hình thành doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt.

Phụ lục II

CÁC CHỈ TIÊU VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả, sản phẩm	Đơn vị chủ trì, theo dõi	Đơn vị phối hợp
1	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đến năm 2030.	≥ 45%	Sở Tài chính chủ trì theo dõi; Thống kê tỉnh chủ trì tính toán	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
2	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm.	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
3	Công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu đến năm 2030.	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
4	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu mỗi năm.	≥ 60%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
5	Số doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng; áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 tăng so với giai đoạn 2021 - 2025.	10% - 12%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
6	Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về năng suất và chất lượng, các giải pháp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến và công cụ cải	08% - 10%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan

	tiến năng suất và chất lượng giai đoạn 2026 - 2030 tăng so với giai đoạn 2021 - 2025.			
7	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo được hình thành hoặc phát triển ổn định trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.	≥ 35	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
8	Số lượng sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo được thương mại hóa; trong đó ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ: công nghệ số, nông nghiệp công nghệ cao, OCOP, du lịch cộng đồng, chuyển đổi số, thương mại điện tử, logistics, chế biến nông sản (mỗi năm).	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
9	Số lượng đối tượng sở hữu công nghiệp (sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu) do tổ chức, cá nhân trong tỉnh đăng ký bảo hộ giai đoạn 2026 - 2030.	≥ 250	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
10	Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận bình quân hằng năm giai đoạn 2026 - 2030.	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
11	Hình thành Trung tâm/Không gian đổi mới sáng tạo cấp tỉnh đến năm 2030.	≥ 01	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
12	Hình thành không gian khởi nghiệp sáng tạo cộng đồng tại xã, phường đến năm 2030.	05 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
13	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, khởi nghiệp sáng tạo,	100%	Các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan

	nghiên cứu khoa học, hình thành các câu lạc bộ, cuộc thi, ngày hội sáng tạo trong trường học đến năm 2030.			
14	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Hà Tĩnh được cải thiện qua từng năm và phấn đấu nằm trong nhóm khá của cả nước vào năm 2030.	Nhóm khá cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
15	Tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030.	≥ 1,5%	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
16	Tăng tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) giai đoạn 2026 - 2030.	≥ 60%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan
17	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo vào năm 2030.	≥ 12	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị có liên quan

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
1	**Tăng cường các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**				
1.1	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập, trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép nội dung triển khai Kế hoạch này trong chương trình, đề án, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch công tác hằng năm phù hợp chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định.	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập; trường đại học, cao đẳng; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	100% cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên
1.2	Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến tri thức, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tổ chức truyền thông thường	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập; Trường Đại học Hà Tĩnh, các trường cao	Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh	Các chuyên mục, phóng sự được thực hiện; bộ tài liệu truyền thông về khoa	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
	xuyên, có trọng tâm về chủ trương, chính sách; lan tỏa thành tựu, mô hình hiệu quả và gắn với hướng dẫn triển khai, đưa kết quả vào thực tiễn.	đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh		học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	
1.3	Đa dạng hóa nội dung, phương thức truyền thông trên nền tảng số và phương tiện đại chúng; tăng cường phổ biến kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ có giá trị ứng dụng. Đẩy mạnh phối hợp giữa cơ quan quản lý, báo chí, viện, trường, doanh nghiệp để lan tỏa tri thức, hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo và thúc đẩy ứng dụng vào thực tiễn. Tăng cường truyền thông về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; tôn vinh sáng kiến, phát triển không gian trải nghiệm, trưng bày phục vụ cộng đồng.				
1.4	Tổ chức các chuyên mục, chuyên trang, diễn đàn, tọa đàm, câu chuyện điển hình, phóng sự, chuyên đề về sáng kiến hay, mô hình tốt, cách làm hiệu quả về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Chuyên mục; chuyên trang; diễn đàn; tọa đàm; câu chuyện; phóng sự; chuyên đề	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
1.5	Định kỳ sơ kết, tổng kết, khen thưởng, tuyên truyền, giới thiệu, nhân rộng ý tưởng, sáng kiến, điển hình khởi nghiệp thành công, mô hình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có hiệu quả trong thanh niên, học sinh, sinh viên, phụ nữ, nông dân, công nhân, trí thức, doanh nhân và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.	Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập; Trường Đại học Hà Tĩnh, các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định khen thưởng	Thường xuyên
2	**Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**				
2.1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc thị trường và yêu cầu phát triển của tỉnh; bảo đảm tính khả thi trong triển khai, hiệu quả được đo lường bằng kết quả cụ thể, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng, năng suất, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "hai con số".	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nghị quyết, Quyết định	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
2.2	Kiện toàn, vận hành Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; nghiên cứu hình thành Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh khi đáp ứng các điều kiện, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định kiện toàn/thành lập Quỹ đảm bảo theo đúng quy định hiện hành	Sau khi có hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ
2.3	Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các cơ chế, chính sách mới của Trung ương về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Nghị quyết, Quyết định, Văn bản	Thường xuyên
2.4	Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng lấy hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa, mức độ đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội làm tiêu chí đánh giá chủ yếu; ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực trọng điểm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định, Văn bản	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
2.5	Xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và tác động lan tỏa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đề xuất, thực hiện, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thường xuyên
2.6	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tỷ lệ hồ sơ được đơn giản hóa; quy trình hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được rút ngắn	Thường xuyên
3	**Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước**				
3.1	Bố trí chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tối thiểu 1,5% tổng chi ngân sách địa phương	Hằng năm
3.2	Tăng cường huy động nguồn ngân sách Trung ương thông qua các chương trình,	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp có thẩm	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
	đề án để phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương.			quyền phê duyệt và cấp vốn thực hiện	
3.3	Khuyến khích doanh nghiệp thành lập và trích lập Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Các doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	Thường xuyên
4	**Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**				
4.1	Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan; các doanh nghiệp	Mô hình liên kết "Nhà nước - Doanh nghiệp - Viện, Trường; hình thành không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục và doanh nghiệp	Thường xuyên
4.2	Hình thành Không gian đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Không gian đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh	Quý IV/2026
4.3	Thương mại hóa và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan; các doanh nghiệp	Các sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
4.4	Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan; các doanh nghiệp	Quy trình, công nghệ, giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, tài sản trí tuệ được hỗ trợ	Thường xuyên
5	**Xây dựng và phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**				
5.1	Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai các cơ chế, chính sách; số lượng nhân lực được thu hút, tuyển dụng và các kết quả thực hiện có liên quan	Thường xuyên
5.2	Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ về nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các lớp đào tạo, bồi dưỡng	Thường xuyên
	Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước nhằm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và phát triển nguồn				

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
	nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.				
5.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	01 bộ cơ sở dữ liệu được xây dựng, cập nhật, khai thác và kết nối	Quý IV/2026 và cập nhật thường xuyên
6	**Đẩy mạnh hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**				
6.1	Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu ở trong và ngoài tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Biên bản ghi nhớ	Thường xuyên
6.2	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế; tiếp cận nguồn tri thức, công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn quốc tế và các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong khu vực và trên thế giới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Số chương trình, dự án tham gia	Thường xuyên
6.3	Thu hút chuyên gia, nhà khoa học, trí thức, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia tư vấn, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ; các cơ quan, đơn	Số lượng chuyên gia, nhà khoa học, trí thức, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia tư vấn, nghiên	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả đầu ra	Thời gian hoàn thành
	và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.		vị có liên quan	cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.	
6.4	Tăng cường xúc tiến, quảng bá các sản phẩm, công nghệ, tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu khoa học của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Xúc tiến, quảng bá các sản phẩm, công nghệ, tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu khoa học của tỉnh	Thường xuyên
6.5	Thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế, nhất là với các đối tác chiến lược và tận dụng cơ hội từ việc tham gia các hiệp định thương mại đa phương, song phương, các hoạt động hợp tác nghiên cứu, đào tạo, tư vấn với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, các chuẩn mực quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Biên bản ghi nhớ hợp tác	Thường xuyên